



chē shǒu

车手

noun · driver, racer

Example Sentence

Zhè wèi chē shǒu yíng dé le bǐ sài

这位车手赢得了比赛。

This driver won the race.

Trace each character, then write the word on your own.

车	车	车	车	车	车	车								
手	手	手	手	手	手	手								